TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Phú; Ông Bùi Quang Hợi

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Nhung – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2024/HNGĐ - ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Tạ Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn T tháng 01 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà anh Tân. Vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tân mắc nghiện ma tuý, đi làm không mang tiền về cho vợ. Chị có khuyên bảo nhưng anh Tân vẫn chứng nào tất ấy. Nhiều lần anh Tân xin tiền chị để mua ma tuý về sử dụng nhưng chị không cho, anh Tân đánh đập chị. Bản thân chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Vợ chồng không ai quan tâm tới ai. Do kinh tế khó khăn, vợ chồng mâu thuẫn nên cuối năm 2016 chị đi xuất khẩu lao động đến cuối năm 2023 thì về nước nhưng chị cũng không về nhà anh Tân ở. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động thì

anh Tân ở nhà cũng đi tù và đi cai nghiện ma tuý bắt buộc, mới về địa phương được khoảng hơn 6 tháng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là: Bùi Thị Hân, sinh ngày 01/8/2008 và Bùi Đức Tuyển, sinh ngày 13/9/2013. Hiện cháu Hân đang ở với chị, còn cháu Tuyển ở với anh Tân, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Tân đóng góp phí tồn nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu nội dung gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai anh Bùi Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Thu về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung cùng bố mẹ anh, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Khi kinh tế gia đình khó khăn cả gia đình vẫn đùm bọc yêu thương nhau. Vào năm 2016 gia đình anh đã lo tiền để cho chị Thu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến cuối năm 2023 chị Thu về nước rồi làm đơn xin ly hôn anh. Nay chị Thu cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung như chị Thu trình bày là đúng. Hiện nay cháu Hân đang ở với chị Thu, cháu Tuyển đang ở với anh. Do vậy, khi ly hôn anh đồng ý để chị Thu nuôi cháu Hân và anh sẽ trực tiếp nuôi cháu Tuyển. Không yêu cầu chị Thu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai, cháu Bùi Thị Hân trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại biên bản ghi lời khai của cháu Bùi Đức Tuyển trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu vì cháu ở với bố và ông bà nội từ khi cháu còn nhỏ.

Tại phiên tòa chị Thu vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Tân. Về con chung: chị đồng ý nuôi cháu Hân, anh Tân nuôi cháu Tuyển.

Về tài sản chung và công nợ: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị T: Xử chị Tạ Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Hân, sinh ngày 01/8/2008 cho chị Tạ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Đức Tuyển, sinh ngày 13/9/2013 cho anh Bùi Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

Tài sản chung và công nợ: Không có nên không giải quyết

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Tạ Thị T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 ; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình và Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự tham gia tố tụng của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Tạ Thị T có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và có mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa. Bị đơn là anh Bùi Văn T vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Toà án không có lý do và vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Bùi Văn T kết hôn vào ngày 10 tháng 01 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Như vậy, chị Thu và anh Tân đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tân trước đây có nghiện ma tuý, chị Thu đi xuất khẩu lao động nên vợ chồng sống xa nhau, khi chị Thu về nước anh chị cũng không chung sống nhau. Bản thân anh Tân cũng đồng ý ly hôn với chị Thu. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian anh chị sống ly thân dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Tạ Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T.

[2.2] Về con chung: Anh chị 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Bùi Thị Hân, sinh ngày 01/8/2008 và cháu thứ hai là Bùi Đức Tuyển, sinh ngày 13/9/2013. Hiện nay cháu Hân đang ở với chị Thu, cháu Tuyển đang ở với anh Tân. Khi ly hôn chị Thu có nguyện vọng được nuôi cháu Hân, anh Tân có nguyện vọng nuôi cháu Tuyển, cháu Hân cũng có nguyện vọng được ở với me và cháu Tuyển có nguyện vọng ở với bố. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và điều kiện học tập của các cháu, để đáp ứng nguyện vọng của anh chị và hai cháu nên cần giao cháu Bùi Thị Hân cho chị Tạ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Đức Tuyển cho anh Bùi Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có

[2.4] Về án phí: Chị Tạ Thị T tự nguyện chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Chị Tạ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Thị Hân, sinh ngày 01/8/2008; anh Bùi Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Đức Tuyển, sinh ngày 13/9/2012.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu

Các đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Xác nhận chị Thu đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000682 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh). Chị Thu đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc kể từ ngày niêm yết kết quả bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- UBND phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ngọc Anh